TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Cương.
Ông Lê Văn Chài.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19-12-2022).

2. Bị đơn: Ông Đặng Bình T1 - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30-11-2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-9-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: bà T và ông Đặng Bình T1 cưới nhau năm 2008, đăng ký kết hôn ngày 23-12-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau mất hạnh phúc gia đình. Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T2 (sinh ngày 22-4-2019) và Đặng Thị Thanh T2 (sinh ngày 04-7-2009). Hiện hai con chung đang sống chung với bà T và ông T1. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi Ngọc T2, ông T1 nuôi Thanh T2, không yêu cầu ông T1 cấp

dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Theo bản tự khai ngày 01-12-2022, bị đơn là ông Đặng Bình T1 khai thống nhất với bà T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung: ông T1 đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con chung tên Ngọc T2, ông T1 trực tiếp nuôi Thanh T2, ông T1 và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đặng Bình T1. Ông T1 cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông T1 đều có đơn xin không hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 23-12-2008 tại UBND xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà T và ông T1 đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau mất hạnh phúc gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý thì đều không tham gia hòa giải. Bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T2 (sinh ngày 22-4-2019) và Đặng Thị Thanh T2 (sinh ngày 04-7-2009). Hiện hai con chung đang sống chung với bà T và ông T1. Bà T và ông T1 đều thống nhất để bà T nuôi con chung tên Ngọc T2, ông T1 nuôi con chung tên Thanh T2, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp điều kiện nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao bà T trực tiếp nuôi con chung tên Ngọc T2 và giao ông T1 nuôi con chung tên Thanh T2, ghi nhận tạm thời việc bà T và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 đều cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ nên không xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp. Ông T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Đặng Bình T1 về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đặng Bình T1.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên tên Đặng Thị Ngọc T2 (sinh ngày 22-4-2019). Ông Đặng Bình T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Thị Thanh T2 (sinh ngày 04-7-2009). Hiện Ngọc T2 và Thanh T2 đang sống với bà T và ông T1. Ghi nhận tạm thời bà T, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có nghĩa vụ giao con chung tên Đặng Thị Thanh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có nghĩa vụ giao con chung tên Đặng Thị Ngọc T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T, ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà T và ông T1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005365 ngày 24-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.